

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn  
ngân sách Thành phố năm 2019 (đợt 3)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 10**

*(Ngày 25/10/2019)*

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm và hệ thống biểu mẫu; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của UBND Thành phố tại Tờ trình số 197/TTr-UBND ngày 14/10/2019 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019 (đợt 3); Báo cáo thẩm tra số 66/BC-HĐND ngày 21/10/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo giải trình bổ sung số 323/BC-UBND ngày 24/10/2019 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019 (đợt 3) với tổng kinh phí bổ sung tăng 24.000 triệu đồng từ nguồn dự kiến kết dư ngân sách Thành phố năm 2018 (nguồn kết dư ngân

sách Thành phố năm 2017 chưa sử dụng), bao gồm những nội dung sau (tổng hợp tại Phụ lục số 1):

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn của 56 dự án XDCCB tập trung cấp Thành phố (chi tiết tại Phụ lục số 2), trong đó:

- Điều chỉnh giảm vốn của 27 dự án với mức vốn giảm 1.459.500 triệu đồng.

- Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn của 20 dự án với tổng mức vốn tăng 939.000 triệu đồng.

- Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn năm 2019 của 09 dự án với tổng mức vốn tăng 352.000 triệu đồng.

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã, gồm:

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn của 05 dự án hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện đầu tư trong định mức hỗ trợ tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 với mức vốn tăng 37.000 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục số 3), trong đó:

+ Điều chỉnh giảm vốn của 01 dự án với mức vốn giảm 10.000 triệu đồng.

+ Điều chỉnh, bổ sung tăng vốn kế hoạch của 02 dự án với tổng mức vốn tăng 27.000 triệu đồng.

+ Bổ sung danh mục và bố trí vốn của 02 dự án với tổng mức vốn tăng 20.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn của 07 dự án hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện đầu tư theo thông báo làm việc và chỉ đạo của Thành phố trong năm 2018 đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 với mức vốn 155.500 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục số 4), trong đó:

+ Điều chỉnh, bổ sung tăng vốn kế hoạch của 06 dự án với tổng mức vốn tăng 136.500 triệu đồng.

+ Bổ sung danh mục và bố trí vốn của 01 dự án với tổng mức vốn tăng 19.000 triệu đồng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao UBND Thành phố tổng hợp các dự án được chấp thuận bổ sung danh mục kế hoạch vốn năm 2019 nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vào phương án cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 cấp Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt tại kỳ họp cuối năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Các nội dung không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 04/12/2018, Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 09/4/2019 và Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 8/7/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25/10/2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký. / *st*

**Nơi nhận:** *st*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- TT HĐND, UBND, UB MTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng, các Ban HĐND Thành phố;
- Các văn phòng: Thành ủy, HĐND, UBND TP;
- Các sở: KHĐT; TC; TN&MT; QH-KT; GTVT; NN&PTNT; XD;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã.;
- Các BQLDA ĐTXDCT: Dân dụng và Công nghiệp; Giao thông; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Văn hóa - Xã hội;
- Công báo Thành phố, Cổng giao tiếp điện tử Thành phố;
- Lưu: VT *st*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Bích Ngọc**



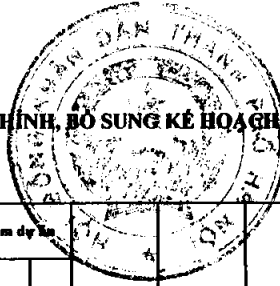
**Phụ lục 1**  
**BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019 (đợt 3)**  
*(Kèm theo nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND Thành phố)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 3 NĂM 2019					KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến CTHT tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	
							Tổng số	Trong đó:					
							Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>546</b>	<b>326</b>	<b>31,490,203</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	<b>24,000</b>		<b>24,000</b>	<b>558</b>	<b>330</b>	<b>31,514,203</b>	
A	<b>CHI ĐẦU TƯ CÔNG (BỘ TRÍ VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG)</b>	546	326	24,410,203	12	4	24,000		24,000	558	330	24,434,203	
A1	Bộ trí vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng			1,867,538								1,867,538	
A2	Vốn phân bổ thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư XDCB, hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	546	326	22,542,665	12	4	24,000		24,000	558	330	22,566,665	
1	Vốn XDCB tập trung cấp Thành phố	223	128	15,898,396	9		-168,500	-192,500	24,000	232	128	15,729,896	Phụ lục 2
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	49	34	6,490,843	1		-465,000	-465,000		50	34	6,025,843	
2	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	12	8	331,653	2		21,000	21,000		14	8	352,653	
3	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	25	17	2,926,000	3		48,000	48,000		28	17	2,974,000	
4	Dự án khởi công mới năm 2019	137	69	5,899,900	3		227,500	203,500	24,000	140	69	6,127,400	
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề	14	12	604,000	3		28,000	13,000	15,000	17	12	632,000	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016				1		7,000	7,000		1		7,000	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	3	3	90,000	1		6,000	6,000		4	3	96,000	
	Dự án khởi công mới năm 2019	11	9	514,000	1		15,000		15,000	12	9	529,000	
2	Lĩnh vực an ninh	38	28	1,063,500			-105,000	-105,000		38	28	958,500	
	Dự án khởi công mới năm 2019	38	28	1,063,500			-105,000	-105,000		38	28	958,500	

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 3 NĂM 2019					KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến CTHT tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	
							Tổng số	Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	<b>Lĩnh vực y tế</b>	8	3	512,500			128,000	128,000		8	3	640,500	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	3	2	209,500			56,000	56,000		3	2	265,500	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	2		100,000			-38,000	-38,000		2		62,000	
	Dự án khởi công mới năm 2019	3	1	203,000			110,000	110,000		3	1	313,000	
4	<b>Lĩnh vực văn hóa thông tin</b>	4	3	45,000			-19,000	-19,000		4	3	26,000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	3	2	36,000			-19,000	-19,000		3	2	17,000	
5	<b>Lĩnh vực môi trường</b>	5	2	760,708			-60,000	-60,000		5	2	700,708	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2		501,708			-60,000	-60,000		2		441,708	
6	<b>Các hoạt động kinh tế</b>	139	70	11,627,388	6		-220,500	-229,500	9,000	145	70	11,406,888	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	37	27	5,460,335	1		-442,000	-442,000		38	27	5,018,335	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	9	7	207,653	1		52,000	52,000		10	7	259,653	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	17	9	2,584,000	2		42,000	42,000		19	9	2,626,000	
	Dự án khởi công mới năm 2019	76	27	3,375,400	2		127,500	118,500	9,000	78	27	3,502,900	
a	<b>Lĩnh vực giao thông</b>	97	44	9,560,990	5		104,500	95,500	9,000	102	44	9,665,490	
b	<b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước</b>	7	4	381,207	1		-25,000	-25,000		8	4	356,207	
c	<b>Lĩnh vực thủy lợi</b>	23	15	1,250,491			-300,000	-300,000		23	15	950,491	
7	<b>Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể</b>	4	2	412,000			80,000	80,000		4	2	492,000	
	Dự án khởi công mới năm 2019	2		150,000			80,000	80,000		2		230,000	
II	<b>Ngân sách thành phố hỗ trợ cho cấp huyện</b>	315	195	4,076,069	3	4	192,500	192,500		318	199	4,268,569	
1	Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã	86	46	1,556,500	2	1	37,000	37,000		88	47	1,593,500	Phụ lục 3
2	Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu ngoài định mức hỗ trợ tại Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 (theo các văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Thành phố trong năm 2018)	168	95	2,001,900	1	3	155,500	155,500		169	98	2,157,400	Phụ lục 4

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 3 NĂM 2019					KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú	
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến CTHT tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn		
							Tổng số	Trong đó:						
								Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC (BỔ TRÍ VỐN CHO CÁC QUỸ, CÁC KHOẢN CHI ĐẦU TƯ KHÁC)			7,080,000									7,080,000	



Phụ lục 2

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019 CÁC DỰ ÁN XDCB TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ (ĐỢT 3)**

(Kèm theo nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế bố trí kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Dự xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (đợt 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Tổng số	Trong đó:											
									Phân bổ từ nguồn điều chỉnh ngân sách					Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4</b>	<b>45</b>	<b>7</b>					<b>36.330.049</b>	<b>22.717.135</b>	<b>8.266.800</b>	<b>4.932.680</b>	<b>703.931</b>	<b>-168.500</b>	<b>-192.500</b>	<b>24.000</b>	<b>4.764.180</b>	<b>4</b>		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2	10						14.249,692	7.411,788	6.088,058	1.292,680	410,763	-465,000	-465,000		827,680	3		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016		6						2.640,451	1.736,950	600,400	98,000		21,000	21,000		119,000			
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018		4	1					2.276,574	1.600,760	946,392	70,000	1,236	48,000	48,000		118,000			
	Dự án khởi công mới năm 2019	2	25	6					17.163,332	11.967,637	631,950	3.472,000	291,952	227,500	203,500	24,000	3.699,500	1		
A	Dự án điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	3	38	6					33.185,642	21.822,375	7.397,408	4.932,680	703,243	-520,500	-520,500		4.412,180	4		
A1	Các dự án giảm vốn:	3	19	5					25.356,454	17.608,375	6.561,577	3.865,680	267,466	-1.459,500	-1.459,500		2.406,180	3		
I	Lĩnh vực an ninh		3						536,978	466,637	1,383	276,000	948	-130,000	-130,000		146,000			
*	Dự án khởi công mới năm 2019		3						536,978	466,637	1,383	276,000	948	-130,000	-130,000		146,000			
1	Xây dựng cơ sở làm việc công an huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2018-2020	156 CBCS	5753/QĐ-UBND 25/10/2018	53,397	45,637	637	45,000	748	-15,000	-15,000		30,000		Ban QLDAĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
2	Xây dựng cơ sở làm việc công an huyện Quốc Oai		1		Quốc Oai	2018-2020	155 CBCS	5994/QĐ-UBND 31/10/2018	36,808	31,000	746	31,000	200	-15,000	-15,000		16,000		Ban QLDAĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
3	Mua sắm trang thiết bị PCCC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng cảnh sát PCCC thành phố Hà Nội		1		Hà Nội	2019-2020		5968/QĐ-UBND 31/10/2018	466,773	390,000		200,000		-100,000	-100,000		100,000		Ban QLDAĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 để giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Dề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (đợt 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Trong đó:						
														Tổng số	Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
II	Lĩnh vực y tế		2						1,507,153	970,000	173,450	40,000		-38,000	-38,000		2,000			
*	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016		2						1,507,153	970,000	173,450	40,000		-38,000	-38,000		2,000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội		1		Hà Đông	2016-2020	200 giường	4908/QĐ-UBND 30/9/2015	784,433	700,000	122,000	20,000		-19,000	-19,000		1,000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
2	Dự án Nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín, TP Hà Nội		1		Thường Tín	2016-2020	300 giường	5060/QĐ-UBND ngày 28/10/2011	722,720	270,000	51,450	20,000		-19,000	-19,000		1,000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
III	Lĩnh vực văn hóa thông tin		1						789,004	403,300	171,065	20,000	117	-19,000	-19,000		1,000			
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						789,004	403,300	171,065	20,000	117	-19,000	-19,000		1,000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trung bày)		1		Nam Từ Liêm	2016-2019	54.150 m2	1424/QĐ-UBND 21/4/2008; 5099/QĐ-UBND 07/11/2012	789,004	403,300	171,065	20,000	117	-19,000	-19,000		1,000		Bảo tàng Hà Nội	
IV	Lĩnh vực môi trường		1						1,438,430	495,670	395,670	100,000	35,368	-60,000	-60,000		40,000			
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						1,438,430	495,670	395,670	100,000	35,368	-60,000	-60,000		40,000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Khu I.HXLCT Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội		1		Sóc Sơn	2012-2020	73,73ha	4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016; 7785/VP-ĐT 03/10/2018	1,438,430	495,670	395,670	100,000	35,368	-60,000	-60,000		40,000		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	
V	Lĩnh vực giao thông	2	11	5					15,408,690	12,155,488	3,325,178	2,813,389	144,383	-872,500	-872,500		1,940,889	3		
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1	4						4,905,560	2,309,538	2,486,538	291,389	97,821	-127,000	-127,000		164,389	2		
1	Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - 189)		1		Thanh Trì	2010-2020	3.814m(39-56)m	3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 6010/QĐ-UBND 28/8/2017; 1951/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	887,735	588,638	488,638	50,000	574	-45,000	-45,000		5,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	



TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế bố trí kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Dề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (đợt 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Xây dựng đường Liễu Giai - Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc), GB 2		1		Ba Đình	2007-quý II/2020	565,75m x3m	1096/QĐ-UB 02/3/2006; 2619/QĐ-UBND ngày 08/5/2017; 1697/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	301,002	220,000	190,000	71,389	24,614	-20,000	-20,000		51,389	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
3	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây		1		Tây Hồ, Ba Đình	2007- quý II/2019	230x50m	417/QĐ-UBND, 29/01/2007; 528/QĐ-UBND 29/01/2016; 5702/QĐ-UBND 23/10/2018	775,465	198,900	198,900	40,000	10,025	-20,000	-20,000		20,000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Văn Từ (tuyến phía tây đường sắt)		1		Phú Xuyên	2013- IV/2019	L=5,67km; B=12m	5064/QĐ-UBND ngày 31/10/2011; 1985/QĐ-UBND ngày 09/5/2018	261,820	82,000	189,000	20,000	622	-15,000	-15,000		5,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
5	Xây dựng đường Vành đai 2, đoạn Ngã tư Sò - Ngã tư Vọng		1		Thanh Xuân, Đống Đa	2011-2019	4454/QĐ-UBND ngày 23/9/2011	4454/QĐ-UBND 23/9/2011; 5247/QĐ-UBND 02/10/2018	2,679,538	1,420,000	1,420,000	110,000	61,986	-27,000	-27,000		83,000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
*	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016		1						120,501	119,950	119,950	48,000		-43,000	-43,000		5,000			
6	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh		1		Đống Đa	2018-2019	B=13,5m; L=364,84m	2248/QĐ-UB 15/4/2004 5781/QĐ-UBND 13/12/2011; 7612/QĐ-UBND 31/10/2017	120,501	119,950	119,950	48,000		-43,000	-43,000		5,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (đợt 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
*	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018		1	1					972,447	839,000	189,000	70,000	1,236	-63,000	-63,000		7,000			
7	Hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến cổng trường Đại học Công đoàn		1		Đống Đa	2015-2019	Hoàn thiện 1/4 nút giao theo quy hoạch	5572/QĐ-UBND 28/10/2014; 8006/QĐ-UBND 17/11/2017	535,712	465,000	35,000	20,000	1,004	-18,000	-18,000		2,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
8	Xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm			1	Nam Từ Liêm	2017-quý IV/2020	L=3.065m; B=40m	2307/QĐ-UBND 17/4/2017; 1878/QĐ-UBND ngày 18/4/2019	436,735	394,000	154,000	50,000	232	-45,000	-45,000		5,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
*	Dự án khởi công mới năm 2019	1	5	4					9,410,182	8,667,000	329,690	2,404,000	45,326	-639,500	-639,500		1,764,500	1		
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đi thấp qua hồ Linh Đàm và nhánh kết nối với đường Vành đai 3		1			2018-2020	Lc=263,67m Lc=285,7	5594/QĐ-UBND 18/10/2018	341,671	585,000	150,000	150,000	2,229	-50,000	-50,000		100,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
10	Xây dựng đường Phương Mai - Sông Lũ		1		Đống Đa	2018-2020	L=325,92m;B=17,25m (Bm=10,5m, Bbê=2x3,375m)	1966/QĐ-UBND 4/5/2010; 4080/QĐ-UBND 09/8/2018	225,792	220,000	50,000	50,000		-49,000	-49,000		1,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế hoạch vốn giải ngân 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (đợt 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Trong đó:						
														Tổng số	Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
11	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyền (Vành đai 2,5)		1		Cầu Giấy	2018-2019	Lc=418,28m; 05 nhịp (45+3x60+45)m ; B=16m	3974/QĐ-UBND ngày 03/8/2018	560,282	476,000	220,000	220,000	1,531	-50,000	-50,000		170,000		Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
12	Dự án xây dựng tuyến đường gom phía Nam khu công nghiệp Phú Nghĩa ra quốc lộ 6 (đoạn qua điểm công nghiệp Tiên Phương và điểm công nghiệp Phú Nghĩa cũ)			1	Chương Mỹ	2018-2019	L=763,59m (Tuyến 1 L1=196,71m; Tuyến 2 L2=566,88m); B=13,5m	302/QĐ-SGTVT ngày 23/3/2018	32,237	27,000	27,000	23,000	651	-8,000	-8,000		15,000	1	Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
13	Cầu Vân Từ			1	Phù Xuyên	2018-2019	Lc=95,1m; 03 nhịp: 3x24m; B=9m	5638/QĐ- UBND ngày 22/10/2018	35,169	30,000	92	30,000	398	-20,000	-20,000		10,000		Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
14	Xây dựng đoạn tuyến đường từ nút Bộ Tư lệnh thông tin trên đường Cát Linh La Thành đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - phố Núi Trúc			1	Đống Đa	2018-2020	L=600m; B=25m	4888/QĐ- UBND ngày 21/10/2011	189,840	121,000	2,598	10,000	60	-9,000	-9,000		1,000		Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
15	Công trình trọng điểm 2016-2020: Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai			1	Hoàng Mai	2019-2020	Lhầm= 600m (140m hầm kín; 2x190m hầm hở); Bhh =22,6m; Bhh=23,6m	5804/QĐ-UBND 26/10/2018	671,653	585,000	20,000	20,000	2,947	-17,000	-17,000		3,000		Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (dự 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Trong đó:						
														Tổng số	Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
16	Mở rộng đường Phan Kế Bính theo quy hoạch			1	Ba Đình	2018-2019	L=370,25m; B=30m	5802/QĐ-UBND 26/10/2018	72,891	62,000	50,000	50,000	81	-45,000	-45,000		5,000		Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
17	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường Vành đai 1, đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội, giai đoạn I	1			Đống Đa, Ba Đình	2018-2020	2.270mx50m; 02 cầu vượt	5757/QĐ-UBND 25/10/2018	7,210,958	6,510,000	10,000	1,800,000	37,429	-341,500	-341,500		1,458,500		BQLDA ĐT XD CT dân dụng và công nghiệp	
18	Xây dựng tuyến đường vào trường Đại học ngoại ngữ			1	Nam Từ Liêm	2011-2013	17mx358m	193/QĐ-UBND 12/01/2011	69,689	51,000		51,000		-50,000	-50,000		1,000		UBND quận Nam Từ Liêm	
VII	Lĩnh vực thủy lợi	1							4,253,765	2,305,780	1,818,331	566,291	80,368	-300,000	-300,000		266,291			
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1							4,253,765	2,305,780	1,818,331	566,291	80,368	-300,000	-300,000		266,291			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1			Ba Vì	2011-2020	Tưới 16000ha, khôi phục 27km lòng sông Tích	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1801/QĐ-SNN 18/10/2017; 2340/QĐ-SNN 28/11/2017	4,253,765	2,305,780	1,818,331	566,291	80,368	-300,000	-300,000		266,291		Sở Nông nghiệp và PTNT	
VII	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước		1						1,402,434	811,500	676,500	50,000	6,282	-40,000	-40,000		10,000			
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						1,402,434	811,500	676,500	50,000	6,282	-40,000	-40,000		10,000			
1	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội		1		Hà Nội	2015-2020	101.356 ha; 81.442 thửa	6264/QĐ-UBND 27/11/2014	1,402,434	811,500	676,500	50,000	6,282	-40,000	-40,000		10,000		Sở Tài nguyên và Môi trường	

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế hoạch từ kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (đợt 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
A2	Các dự án tăng vốn		19	1					7,749,188	4,214,000	835,831	1,067,000	435,777	939,000	939,000		2,006,000	1		
I	Lĩnh vực an ninh		1						98,501	90,000	771	40,000	26,472	25,000	25,000		65,000			
*	Dự án khởi công mới năm 2019		1						98,501	90,000	771	40,000	26,472	25,000	25,000		65,000			
1	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Đan Phượng		1		Đan Phượng	2018-2020	182CBCS	6005/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	98,501	90,000	771	40,000	26,472	25,000	25,000		65,000		Ban QLDA&TXD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
II	Lĩnh vực y tế		4						2,078,290	1,521,000	525,060	445,000	204,175	166,000	166,000		611,000	1		
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		2						1,306,132	871,000	524,954	265,000	190,807	56,000	56,000		321,000	1		
1	Mở rộng và Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II		1		Ba Vì	2012-2019	300 giường	5084/QĐ-UBND 31/10/2011; 5988/QĐ-UBND 25/8/2017; 5732/QĐ-UBND 24/10/2018	640,468	337,000	155,954	100,000	35,316	40,000	40,000		140,000		Ban QLDA&TXD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
2	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Thanh Nhân - Giai đoạn 2		1		Hai Bà Trưng	2012-2019	500 giường	5086/QĐ-UBND 31/10/2011; 4232/QĐ-UBND 20/8/2018	665,664	534,000	369,000	165,000	155,491	16,000	16,000		181,000	1	Ban QLDA&TXD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
*	Dự án khởi công mới năm 2019		2						772,158	650,000	106	180,000	13,368	110,000	110,000		290,000			
3	Cải tạo Bệnh viện đa khoa Hà Đông		1		Hà Đông	2019-2021	Cải tạo Nhà, khu kỹ thuật nghiệp vụ	6023/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	303,166	250,000	106	100,000	5,469	30,000	30,000		130,000		Ban QLDA&TXD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
4	Cải tạo nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sơn Tây		1		Sơn Tây	2019-2021	440 giường	6024/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	468,992	400,000		80,000	7,899	80,000	80,000		160,000		Ban QLDA&TXD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	

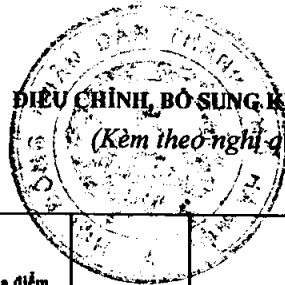
TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế bố trí kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (đợt 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QB	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
III	Lĩnh vực giao thông		12	1					4,542,161	2,323,000	310,000	432,000	196,570	668,000	668,000		1,100,000			
*	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016		1						815,864	550,000	210,000	10,000	-	80,000	80,000		90,000			
I	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng cầu vượt tại nút giao An Dương - đường Thanh Niên, quận Ba Đình và quận Tây Hồ để hạ chế ùn tắc giao thông		1		Ba Đình, Tây Hồ	2017-2020	L=271m; B=10m; Đê BTCT L=1100m; Phần bs: L=3,7Km	3665/QĐ-UBND ngày 19/6/2017; 3376/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	815,864	550,000	210,000	10,000		80,000	80,000		90,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
*	Dự án khởi công mới năm 2019		11	1					3,726,297	1,773,000	100,000	422,000	196,570	588,000	588,000		1,010,000			
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư Nguyễn Khê nối với đường bệnh viện Đông Anh đi đến Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2018-2020	L=3,2Km, B=17,5m;-40m	5359/QĐ-UBND 08/10/2018	382,407	360,000		70,000	7,726	20,000	20,000		90,000		UBND huyện Đông Anh	
3	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Dương Xá - Đông Dư đến ga Phú Thị		1		Gia Lâm	2018-2020	- L = 1600m. B = 30m (Bmđ = 15m, Bbê 2x7,5m) L=830; B = 40m (Bbê + Bgpc + Bmđ) = (6mx2+7m+10,5mx2)	9011/QĐ-UBND 31/10/2018	198,138	170,000		40,000	32,270	50,000	50,000		90,000		UBND huyện Gia Lâm	
4	Xây dựng đường đê tả Đuống theo quy hoạch đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đổng		1		Gia Lâm	2018-2020	L=5.440m; Đường mặt đê Bmđ=7m; Đường gom B=13.5m	9008/QĐ-UBND 31/10/2018	511,247	255,000		40,000	3,304	80,000	80,000		120,000		UBND huyện Gia Lâm	
5	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2018-2020	L=2.655m, B=40m, Bmđ=2x11,25=22.5m, Bđái phân cách = 5.5m, Bbê = 2x6=12m.	9013/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	380,108	50,000		50,000	781	75,000	75,000		125,000		UBND huyện Gia Lâm	
6	Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km189 đến Km194 qua địa bàn huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2019-2020	L=5Km; b=13-20m	1503/QĐ-UBND ngày 29/03/2019	247,268	70,000		40,000	3,661	30,000	30,000		70,000		UBND huyện Thường Tín	

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế bố trí kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (đợt 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:	Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giám					Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
7	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 - Km6+585 (tính lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B đến cầu Quảng tái xã Trung Tú huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2019-2021	L=6,5km; B=21-24m	3540/QĐ-UBND ngày 03/7/2019	218,500	100,000		7,000		90,000	90,000		97,000		UBND huyện Ứng Hòa		
8	Dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch nút giao đường Vành đai 3 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng		1		Long Biên; Gia Lâm	2019-2021	L=1.485,74m; B=33m-620m; B=26,5m	3213/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	402,161	100,000		2,000		90,000	90,000		92,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội		
9	Xây dựng một phần tuyến đường 70 (đoạn từ cầu Ngà đến hết ranh giới dự án Lăng giáo dục Quốc Tế) và đường bao quanh Lăng giáo dục Quốc Tế		1		Nam Từ Liêm; Hoài Đức	2010-2021	L=3.410,4m; B=13-27m	3102/QĐ-UBND ngày 29/6/2011; 3282/QĐ-UBND ngày 19/6/2019	270,177	100,000		2,000		45,000	45,000		47,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội		
10	Xây dựng công trình cầu Nội Côi, huyện Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2019-2020	Lc=109,2m; Bc=9,0m; Lđ=700m; Bđ=9m	3204/QĐ-UBND ngày 13/6/2019	56,684	48,000		1,000	7	15,000	15,000		16,000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội		
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tá Đáy kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2018-2020	16.790m	7562/QĐ-UBND 31/10/2017	418,855	200,000	100,000	50,000	28,844	50,000	50,000		100,000		UBND huyện Hoài Đức	NSTP bố trí 60% TMBT	
12	Cải tạo, mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp và công hóa thành mương kín tuyến mương Nguyễn Cơ Thạch đến hết đường Đỗ Xuân Hợp.		1		Nam Từ Liêm	2019-2021	L= 1100m; B=30m	878/QĐ-UBND ngày 8/3/2019	416,870	208,000		70,000	70,000	23,000	23,000		93,000		UBND quận Nam Từ Liêm		
13	Công hóa thành mương kín để làm đường giao thông tuyến mương Đồng Bông.		1		Nam Từ Liêm	2019-2021	L= 1100m	879/QĐ-UBND ngày 8/3/2019	223,882	112,000		50,000	49,977	20,000	20,000		70,000		UBND quận Nam Từ Liêm		
IV	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		2						1,030,236	280,000		150,000	8,560	80,000	80,000		230,000				
*	Dự án khởi công mới năm 2019		2						1,030,236	280,000		150,000	8,560	80,000	80,000		230,000				
1	Xây dựng trụ sở Quận ủy - HĐND - UBND quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2017-2020	DTXD: 5.536m2, 01 tầng hầm, 04 tầng nổi, 01 tầng mái	5876/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	370,878	180,000		90,000	3,951	60,000	60,000		150,000		UBND quận Bắc Từ Liêm		

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Dự xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (dự 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Dự án Khu liên cơ quan Văn Hồ (tại vị trí Sở Xây dựng và 1 số cơ quan)		1		Hai Bà Trưng	2018-2020	HTKT, 7441 m2	1547/QĐ-UBND ngày 01/4/2019	659,358	100,000		60,000	4,609	20,000	20,000		80,000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
B	Dự án bổ sung danh mục vào kế hoạch năm 2019	1	7	1					3,224,407	894,760	869,392		708	352,000	328,000	24,000	352,000			
B1	Dự án đã có trong trung hạn 2016-2020		7	1					1,729,934	894,760	869,392		708	182,000	158,000	24,000	182,000			
I	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề		3						245,784	118,500	78,500		708	28,000	13,000	15,000	28,000			
*	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016		1						122,358	35,000	35,000			7,000	7,000		7,000			
I	Xây dựng Trường THPT Xuân Phương		1		Nam Từ Liêm	2016-2018	24 phòng học và hạng mục phụ trợ	5794/QĐ-UBND 30/10/2015	122,358	35,000	35,000			7,000	7,000		7,000		UBND quận Nam Từ Liêm	
*	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018		1						59,427	53,500	43,500			6,000	6,000		6,000			
2	Dự án sửa chữa chống xuống cấp Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội		1		Nam Từ Liêm	2017-2018	Cải tạo sân chầu đảm bảo điều kiện học tập của 5.000-6.000 hs	6036/QĐ-UBND 31/10/2016	59,427	53,500	43,500			6,000	6,000		6,000		BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
*	Dự án khởi công mới năm 2019		1						63,999	30,000			708	15,000		15,000	15,000			
3	Trường THPT Trương Định		1		Hai Bà Trưng	2019-2020	HTKT, 7441 m2	3836/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	63,999	30,000			708	15,000		15,000	15,000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
II	Lĩnh vực giao thông		3	1					1,409,575	714,260	728,892			139,000	130,000	9,000	139,000			
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						154,367	15,000	15,000			25,000	25,000		25,000			
I	Cải tạo, nâng cấp đường Chi Đông - Kim Hoa, huyện Mê Linh		1		Mê Linh	2016-2020	L=3,5km, B=24m	2500/QĐ-UBND 19/8/2019	154,367	15,000	15,000			25,000	25,000		25,000		UBND huyện Mê Linh	



TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được duyệt	Lấy kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 30/9/2019	Dự xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019 (đợt 3)			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
*	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018		2						1,244,700	688,260	713,892			105,000	105,000		105,000			
2	Xây dựng tuyến đường Đông Du - Dương Xá, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2016-2019	L=4,35km; B=40-50m	7114/QĐ-UBND 26/12/2016; 1318/QĐ-UBND ngày 21/3/2019	884,383	453,425	479,057			85,000	85,000		85,000		UBND huyện Gia Lâm	
3	Xây dựng tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phú Đồng		1		Gia Lâm	2017-2020	L=1,93km; B=40m	2271/QĐ-UBND 11/5/2016	360,317	234,835	234,835			20,000	20,000		20,000		UBND huyện Gia Lâm	
*	Dự án khởi công mới năm 2019			1					10,508	11,000				9,000		9,000	9,000			
4	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trục đường (tính 417, 418 qua địa bàn huyện Phúc Thọ			1	Phúc Thọ	2019-2020	HTKT; 9,2 km	3244/QĐ-UBND 18/6/2019	10,508	11,000				9,000		9,000	9,000		UBND huyện Phúc Thọ	
III	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước			1					74,575	62,000	62,000			15,000	15,000		15,000			
*	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016			1					74,575	62,000	62,000			15,000	15,000		15,000			
1	Xây dựng hệ thống thoát nước Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội (giai đoạn I)			1	Phú Xuyên	2016	18000m3/h	5052/QĐ-UBND 06/10/2015	74,575	62,000	62,000			15,000	15,000		15,000		UBND huyện Phú Xuyên	
B2	Dự án chưa có trong trung hạn 2016-2020			1					1,494,473					170,000	170,000		170,000			
1	Lĩnh vực giao thông			1					1,494,473					170,000	170,000		170,000			
*	Dự án khởi công mới năm 2019			1					1,494,473					170,000	170,000		170,000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long (đoạn Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng) thuộc quận Bắc Từ Liêm			1	Bắc Từ Liêm	2017-2021	2,3 km; 50m	5995/QĐ-UBND ngày 31/10/218	1,494,473					170,000	170,000		170,000		UBND quận Bắc Từ Liêm	



Phụ lục 3

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NĂM 2019**

(Kèm theo nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP hỗ trợ năm 2019 đến 25/9/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn NSTP năm 2019	Kế hoạch vốn NSTP hỗ trợ năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS huyện	Tổng số	Trong đó vốn NS huyện						
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	<b>TỔNG CỘNG</b>		1	4					253,210	212,971	25,250		84,000		45,461	37,000	121,000	2		
	<i>Điều chỉnh giảm</i>			1					76,508	75,000	25,250		49,750		13,461	-10,000	39,750	1		
	<i>Điều chỉnh tăng</i>		1	1					115,228	72,250			34,250		32,000	27,000	61,250	1		
	<i>Dự án bổ sung danh mục</i>			2					61,474	65,721						20,000	20,000			
A	<b>Dự án đã được giao KH2019, đề nghị điều chỉnh</b>		1	2					191,736	147,250	25,250		84,000		45,461	17,000	101,000	2		
I	<i>Điều chỉnh giảm</i>			1					76,508	75,000	25,250		49,750		13,461	-10,000	39,750	1		
I	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hoá mặt đường máng 7, huyện Chương Mỹ (đoạn từ Thụy Hương - Hoàng Diệu)			1	Các xã: Thụy Hương, Hoàng Diệu	2017-2019	4.730m	7945/QĐ-UBND 25/10/2017	76,508	75,000	25,250		49,750		13,461	-10,000	39,750	1	UBND huyện Chương Mỹ	
II	<i>Điều chỉnh tăng</i>		1	1					115,228	72,250			34,250		32,000	27,000	61,250	1		
I	Trường THCS Tân Hội		1		Xã Tân Hội	2017 - 2020	28 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà đa năng và phụ trợ	6476/QĐ-UBND 31/10/2016; 7575/QĐ-UBND 27/10/2017	73,169	30,250			13,250		11,000	17,000	30,250	1	UBND huyện Đan Phượng	
2	Xây dựng Trường mầm non Tân Dân B			1	Xã Tân Dân	2019-2020	Mở rộng diện tích; XD 12 phòng học, nhà hiệu bộ	8787/QĐ-UBND 31/10/17	42,059	42,000			21,000		21,000	10,000	31,000		UBND huyện Sóc Sơn	
B	<b>Dự án bổ sung danh mục và bố trí vốn năm 2019</b>			2					61,474	65,721						20,000	20,000			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lấy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP hỗ trợ năm 2019 đến 25/9/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung tổng kế hoạch vốn NSTP năm 2019	Kế hoạch vốn NSTP hỗ trợ năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS huyện	Tổng số	Trong đó vốn NS huyện						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Đường giao thông liên xã Nam Phương Tiến đi xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn (Hòa Bình)			1	Xã Nam Phương Tiến - xã Liên Sơn			6991/QĐ-UBND 26/10/2018	30,430	36,721						10,000	10,000		UBND huyện Chương Mỹ	
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Tân Dân, Minh Trí			1	Các xã: Tân Dân, Minh Trí	2020-2021	L=7850m	5531/QĐ-UBND 18/7/2017	31,044	29,000						10,000	10,000		UBND huyện Sóc Sơn	

Phụ lục 4

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2019 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ  
CHO DỰ ÁN THEO THÔNG BÁO LÀM VIỆC VÀ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA THÀNH PHỐ TRONG NĂM 2018**  
(Kèm theo nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 15/9/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung tổng kế hoạch vốn NSTP năm 2019	Kế hoạch vốn NSTP hỗ trợ năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS huyện						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	<b>TỔNG CỘNG</b>		3	4					512,838	402,500	128,000		72,607	155,500	283,500	3		
	Điều chỉnh tăng		3	3					490,944	380,500	128,000		72,607	136,500	264,500	2		
	Bổ sung danh mục và bố trí vốn năm 2019			1					21,894	22,000				19,000	19,000	1		
1	Huyện Đông Anh		3	1					394,020	301,500	85,000		35,121	100,500	185,500			
*	Điều chỉnh tăng		3	1					394,020	301,500	85,000		35,121	100,500	185,500			
1	Xây dựng trường THCS Đông Hội		1		Xã Đông Hội	2019-2020	Xây mới đồng bộ quy mô 36 lớp học	2184/QĐ-UBND 15/5/2018	113,441	102,000	30,000		30,000	40,000	70,000		UBND huyện Đông Anh	
2	Xây dựng trường tiểu học Kim Chung 2		1		Xã Kim Chung	2019-2021	Xây mới đồng bộ quy mô 30 lớp học	5887/QĐ-UBND 26/10/2018	107,770	90,000	30,000		1,992	10,000	40,000		UBND huyện Đông Anh	
3	Xây dựng trường THCS Kim Chung 2		1		Xã Kim Chung	2019-2021	Xây mới đồng bộ quy mô 32 lớp học	1270/QĐ-UBND 12/3/2019	136,570	89,000	15,000		2,476	40,000	55,000		UBND huyện Đông Anh	

*[Handwritten mark]*

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 15/9/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn NSTP năm 2019	Kế hoạch vốn NSTP hỗ trợ năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS huyện						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Xây dựng nhà học trường THCS Võng La, xã Võng La			1	Xã Võng La	2019-2020	Xây thêm 10 lớp học	5846/QĐ-UBND 26/10/2018	36,239	20,500	10,000		653	10,500	20,500		UBND huyện Đông Anh	
II	Huyện Sóc Sơn			1					21,894	22,000				19,000	19,000	1		
*	Bổ sung danh mục và bố trí vốn năm 2019			1					21,894	22,000				19,000	19,000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp trường TH Tân Minh A			1	Xã Tân Minh	2019-2020	Xây 2 phòng học, nhà thể chất, nhà hiệu bộ, các hạng mục phụ trợ	3590/QĐ-UBND 31/10/2018	21,894	22,000				19,000	19,000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
III	Huyện Thanh Oai			2					96,924	79,000	43,000		37,486	36,000	79,000	2		
*	Điều chỉnh tăng			2					96,924	79,000	43,000		37,486	36,000	79,000	2		
1	Trường tiểu học xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai			1	Xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai	2018-2019	Nhà hiệu bộ 3 tầng, nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và phụ trợ khác	2328a/QĐ-UBND 17/8/2018; 558/QĐ-UBND 12/3/2019	42,038	29,000	18,000		18,000	11,000	29,000	1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Tuyến đường nối từ QL 21B với đường trục phát triển phía nam (tỉnh Hà Tây cũ) đoạn qua địa phận Bích Hòa, huyện Thanh Oai			1	Xã Bích Hòa	2019 - 2020	1.700m	548/QĐ-UBND 07/03/2019	54,886	50,000	25,000		19,486	25,000	50,000	1	UBND huyện Thanh Oai	